

Họ, tên:..... SBD:

Mã đề thi 124

Nội Dung Đề

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 04 trang)

- Câu 41:** [HC – Câu 455] Cho m gam glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 (đun nóng), thu được 21,6 gam Ag. Giá trị của m là
A. 16,2. B. 9,0. C. 36,0. D. 18,0.
- Câu 42:** [VC – Câu 86] Cho sơ đồ chuyển hoá: $\text{Fe} \xrightarrow{+X} \text{FeCl}_3 \xrightarrow{+Y} \text{Fe(OH)}_3$. Hai chất X, Y lần lượt là
A. HCl, NaOH. B. NaCl, Cu(OH)_2 . C. Cl_2 , NaOH. D. HCl, Al(OH)_3 .
- Câu 43:** [HC – Câu 41] Ba chất lỏng: $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH , CH_3NH_2 đựng trong ba lọ riêng biệt. Thuốc thử dùng để phân biệt ba chất trên là
A. quỳ tím. B. kim loại Na. C. dung dịch NaOH. D. dung dịch Br_2 .
- Câu 44:** [HC – Câu 459] Cho 4,5 gam $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl, lượng muối thu được là
A. 0,85gam. B. 8,15 gam. C. 7,65gam. D. 8,10gam.
- Câu 45:** [HC – Câu 27] Saccarozơ và glucozơ đều có
A. phản ứng với dung dịch NaCl.
B. phản ứng với Cu(OH)_2 ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
C. phản ứng với Ag_2O trong dung dịch NH_3 đun nóng.
D. phản ứng thủy phân trong môi trường axit.
- Câu 46:** [HC – Câu 40] Dãy gồm hai chất đều tác dụng với dung dịch NaOH là
A. CH_3COOH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. B. CH_3COOH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{OH}$.
C. CH_3COOH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$. D. CH_3COOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.
- Câu 47:** [HC – Câu 44] Trong các chất: phenol, etyl axetat, ancol etylic, axit axetic. Số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là
A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.
- Câu 48:** [VC – Câu 22] Khi điều chế kim loại, các ion kim loại đóng vai trò là chất
A. bị oxi hoá. B. cho proton. C. nhận proton D. bị khử.
- Câu 49:** [VC – Câu 44] Dãy gồm các kim loại được xếp theo thứ tự tính khử tăng dần từ trái sang phải là
A. Mg, Fe, Al. B. Fe, Al, Mg. C. Fe, Mg, Al. D. Al, Mg, Fe.
- Câu 50:** [VC – Câu 676] Cho 2,8 gam bột sắt vào 200 ml dung dịch gồm AgNO_3 0,1M và $\text{Cu(NO}_3)_2$ 0,5M; khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam chất rắn X. Giá trị của m là
A. 4,08. B. 3,20. C. 4,72. D. 4,48.
- Câu 51:** [HC – Câu 20] Một chất khi thủy phân trong môi trường axit đun nóng, không tạo ra glucozơ. Chất đó là
A. xenlulozơ. B. saccarozơ. C. tinh bột. D. protit.
- Câu 52:** [VC – Câu 14] Kim loại phản ứng với nước ở nhiệt độ thường tạo ra dung dịch có môi trường kiềm là
A. Ag. B. Cu. C. Fe. D. Na.
- Câu 53:** [VC – Câu 34] Tác nhân chủ yếu gây mưa axit là
A. CO và CO_2 . B. SO_2 và NO_2 . C. CO và CH_4 . D. CH_4 và NH_3 .
- Câu 54:** [VC – Câu 8] Chất có tính chất lưỡng tính là
A. Al(OH)_3 . B. AlCl_3 . C. NaCl. D. NaOH.

Câu 55: [VC - Câu 26] Để bảo vệ vỏ tàu biển bằng thép người ta thường gắn vỏ tàu (phần ngoài ngâm dưới nước) những tấm kim loại:

- A. Cu. B. Sn. C. Zn. D. Pb.

Câu 56: [HC - Câu 36] Khi xà phòng hoá tristearin ta thu được sản phẩm là

- A. $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol. B. $C_{15}H_{31}COOH$ và glixerol.
C. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol. D. $C_{15}H_{31}COONa$ và glixerol.

Câu 57: [HC - Câu 14] Thủy phân este X trong môi trường kiềm, thu được natri axetat và ancol etylic. Công thức của X

- A. CH_3COOCH_3 . B. $C_2H_5COOCH_3$. C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $C_2H_3COOC_2H_5$.

Câu 58: [VC - Câu 60] Hai kim loại có thể điều chế bằng phương pháp nhiệt luyện là

- A. Ca và Fe. B. Fe và Cu C. Na và Cu. D. Mg và Zn.

Câu 59: [HC - Câu 10] Anilin ($C_6H_5NH_2$) có phản ứng với dung dịch

- A. Na_2CO_3 . B. NaOH. C. NaCl. D. HCl.

Câu 60: [VC - Câu 534] Cho phản ứng hóa học: $NaOH + HCl \longrightarrow NaCl + H_2O$

Phản ứng hóa học nào sau đây có cùng phương trình ion thu gọn với phản ứng trên?

- A. $KOH + HNO_3 \longrightarrow KNO_3 + H_2O$. B. $2KOH + FeCl_2 \longrightarrow Fe(OH)_2 + 2KCl$.
C. $NaOH + NaHCO_3 \longrightarrow Na_2CO_3 + H_2O$. D. $NaOH + NH_4Cl \longrightarrow NaCl + NH_3 + H_2O$.

Câu 61: Cho dãy các chất sau đây: CH_3COCH_3 , C_2H_5OH , CH_3COOCH_3 , $C_2H_3COOCH_3$, $HCOOCH_3$, CH_3CHO , $CH_3COOC_2H_3$. trong các chất trên có bao nhiêu chất là este

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 7.

Câu 62: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (a) Nung nóng $NaNO_3$.
(b) Cho Fe_2O_3 vào dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng (dư).
(c) Sục khí CO_2 vào dung dịch $Ba(OH)_2$ dư.
(d) Cho từ từ dung dịch chứa a mol $KHSO_4$ vào dung dịch chứa a mol $NaHCO_3$.
(e) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch HCl loãng.
(g) Cho kim loại Cu vào dung dịch HNO_3 loãng.

Sau khi các phản ứng xảy ra, số thí nghiệm sinh ra chất khí là

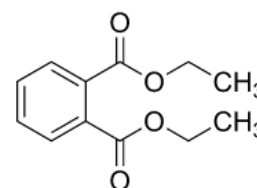
- A. 2. B. 3. C. 5. D. 4.

Câu 63: Cho 562,5 ml ancol etylic 92° tác dụng với Na (dư), đến phản ứng hoàn toàn thu được V lít H_2 (ở đktc). Giá trị của V là (Biết khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8 gam/ml và của nước là 1 gam/ml)

- A. 112,0. B. 100,8. C. 182,8. D. 128,8.

Câu 64: Vào mùa mưa khí hậu ẩm ướt, đặc biệt ở các vùng mưa lũ dễ phát sinh bệnh nhiễm nấm kẽ chân, tay. Người bị bệnh khi đó được khuyên nên bôi vào các vị trí ghè lở một loại thuốc thông dụng là DEP. Thuốc DEP có thành phần hoá học quan trọng là **dietyl phtalat**. Công thức phân tử của dietyl phtalat là

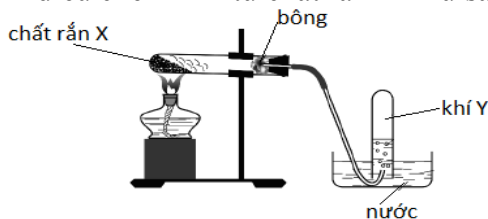
- A. $C_6H_5(COOC_2H_3)_2$. B. $C_6H_5(COOC_2H_5)_2$.
C. $C_6H_4(COOC_2H_5)_2$. D. $C_6H_4(COOCH_3)_2$.



Câu 65: Cho lá Al vào cốc chứa dung dịch H_2SO_4 loãng, thấy bọt khí thoát ra chậm dần. Để bọt khí thoát ra nhanh hơn cần thêm vào cốc vài giọt dung dịch chất nào sau đây ?

- A. $MgSO_4$. B. H_2SO_4 . C. $CuSO_4$. D. $Al_2(SO_4)_3$.

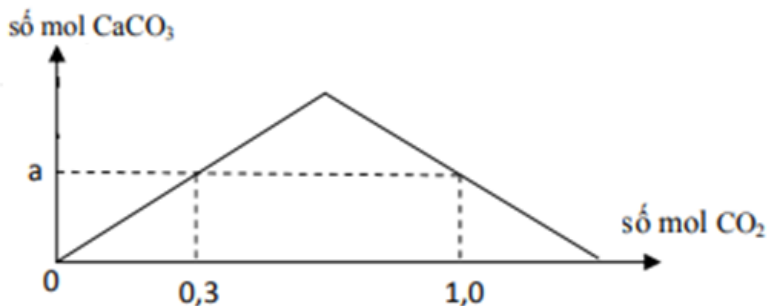
Câu 66: Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Y từ chất rắn X như sau:



Chất rắn X là

- A. KNO_3 . B. $Cu(NO_3)_2$. C. NH_4Cl . D. Na_2CO_3 .

Câu 67: Khi sục từ từ đến dư khí CO_2 vào một cốc đựng dung dịch Ca(OH)_2 , kết quả thí nghiệm được biểu diễn trên đồ thị sau:



Dựa vào đồ thị trên, khi lượng CO_2 đã sục vào dung dịch là 0,85 mol thì lượng kết tủa xuất hiện tương ứng là

- A. 0,15 mol. B. 0,45 mol. C. 0,35 mol. D. 0,50 mol.

Câu 68: Dung dịch X gồm KHCO_3 1M và Na_2CO_3 1M. Dung dịch Y gồm H_2SO_4 1M và HCl 1M. Nhỏ từ từ 200 ml dung dịch X vào 100 ml dung dịch Y, thu được dung dịch E. Cho dung dịch BaCl_2 tới dư vào E, thu được m gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

- A. 43,00. B. 49,25. C. 39,40. D. 62,70.

Câu 69: Cho các phát biểu sau:

- (1) Sau khi mổ cá, có thể dùng giấm ăn để giảm mùi tanh.
- (2) Dầu thực vật và dầu nhớt bôi trơn máy đều có thành phần chính là chất béo.
- (3) Chỉ có một axit đơn chức trắng bạc.
- (4) Khi oxi hoá ancol no, đơn chức thu được anđehit.
- (5) Thành phần chính của bông nõn là xenlulozơ.
- (6) Triolein có thể tác dụng được với H_2 (xúc tác Ni, t°), dung dịch Br_2 , Cu(OH)_2 .

Số phát biểu đúng là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 70: Hỗn hợp X gồm metan, axetilen và propen có tỉ khối so với H_2 là 13,1. Đốt cháy hoàn toàn 0,3 mol hỗn hợp X sau đó dẫn toàn bộ sản phẩm cháy vào bình chứa dung dịch Ca(OH)_2 dư thì thu được 57 gam kết tủa trắng và khối lượng bình tăng thêm m gam. Giá trị của m là

- A. 21,72. B. 22,84. C. 16,72. D. 34,26.

Câu 71: Cho các kim loại sau: Mg, Cu, Na, Zn. Số kim loại tác dụng với lượng dư dung dịch $\text{Fe(NO}_3)_3$ có tạo thành kết tủa là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 72: Cho các phát biểu sau:

- (a) Sục khí NH_3 tới dư vào dung dịch AlCl_3 , thu được kết tủa trắng.
- (b) Cho dung dịch Ba(OH)_2 dư vào dung dịch $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$, sau phản ứng thu được kết tủa trắng.
- (c) Tất cả các phản ứng hóa học có kim loại tham gia đều là phản ứng oxi hóa khử.
- (d) Vàng là kim loại dẻo nhất, Ag là kim loại dẫn điện tốt nhất.
- (e) Điện phân dung dịch NaCl (điện cực trơ, màng ngăn xốp) thu được khí Cl_2 ở anot.

Số phát biểu đúng là

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.

Câu 73: Hòa tan hoàn toàn hai chất $\text{Fe(NO}_3)_3$ và AlCl_3 , (có số mol bằng nhau) vào nước thu được dung dịch X. Tiến hành các thí nghiệm sau:

- Thí nghiệm 1: Cho dung dịch Y dư vào V ml dung dịch X, thu được n_1 mol kết tủa.
- Thí nghiệm 2: Cho dung dịch Z dư vào V ml dung dịch X, thu được n_2 mol kết tủa.
- Thí nghiệm 3: Cho dung dịch T dư vào V ml dung dịch X, thu được n_3 mol kết tủa.

Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và $n_3 < n_2 < n_1$. Các chất Y, Z, T lần lượt là:

- A. NaOH , NH_3 , AgNO_3 . B. AgNO_3 , KOH , NH_3 .
 C. AgNO_3 , NH_3 , NaOH . D. NH_3 , KOH , AgNO_3 .

Câu 74: Cho **X**, **Y** là hai axit cacboxylic đơn chức ($M_X < M_Y$); **T** là este ba chức, mạch hở được tạo bởi **X**, **Y** với glyxerol. Cho 23,06 gam hỗn hợp **E** gồm **X**, **Y**, **T** và glyxerol (với số mol của **X** bằng 8 lần số mol của **T**) tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch NaOH 2M, thu được hỗn hợp **F** gồm hai muối có tỉ lệ mol 1 : 3 và 3,68 gam glyxerol. Đốt cháy hoàn toàn **F** cần vừa đủ 0,45 mol O_2 , thu được Na_2CO_3 , H_2O và 0,4 mol CO_2 . Phần trăm khối lượng của **X** trong **E** có giá trị **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 31%. B. 47%. C. 25%. D. 48%.

Câu 75: Cho luồng khí CO qua ống sứ chứa 37,76 gam hỗn hợp gồm Fe_2O_3 và Fe_3O_4 nung nóng, thu được hỗn hợp rắn X và hỗn hợp khí Y. Hấp thu toàn bộ khí Y vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thu được 32 gam kết tủa. Hòa tan hết rắn X trong 240 gam dung dịch HNO_3 35,7% thu được dung dịch Z chứa các muối có khối lượng 98,8 gam và hỗn hợp các khí, trong đó oxi chiếm 61,538% về khối lượng. Nồng độ phần trăm của $Fe(NO_3)_3$ trong dung dịch Z **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 15,0%. B. 23,0%. C. 18,0%. D. 55,0%.

Câu 76: Hỗn hợp **X** gồm hai este đơn chức. Cho 0,3 mol hỗn hợp **X** tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được dung dịch **Y**. Cô cạn dung dịch **Y** thu được hỗn hợp **Z** gồm hai muối khan. Đốt cháy hoàn toàn **Z** thu được 55 gam CO_2 ; 26,5 gam Na_2CO_3 và m gam H_2O . Giá trị của m là

- A. 11,70. B. 15,30. C. 8,10. D. 17,10.

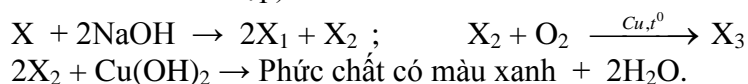
Câu 77: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm Al, Na và BaO vào nước dư, thu được dung dịch Y và 2,856 lít khí H_2 (đktc). Cho từ từ đến hết dung dịch chứa 0,045 mol H_2SO_4 và 0,15 mol HCl vào Y, thu được 4,665 gam hỗn hợp kết tủa và dung dịch Z chỉ chứa 11,145 gam hỗn hợp các muối clorua và muối sunfat trung hòa. Giá trị của m là

- A. 4,800. B. 5,640. C. 9,750. D. 4,185.

Câu 78: Hỗn hợp **T** gồm ba este **X**, **Y**, **Z** mạch hở ($M_X < M_Y < M_Z$). Cho 51,36 gam **T** tác dụng vừa đủ với dung dịch chứa 0,47 mol NaOH, thu được một muối duy nhất của axit cacboxylic đơn chức và hỗn hợp **Q** gồm các ancol no, mạch hở, có cùng số nguyên tử cacbon trong phân tử. Đốt cháy hoàn toàn **Q**, thu được 18,144 lít khí CO_2 và 19,44 gam H_2O . Tổng số nguyên tử có trong phân tử Z là

- A. 41. B. 40. C. 42. D. 30.

Câu 79: Cho hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử $C_5H_8O_4$. Thực hiện sơ đồ sau (các phản ứng đều có điều kiện và xúc tác thích hợp):



Cho các phát biểu sau:

- (1) X là este đa chức, có khả năng làm mất màu nước brom.
- (2) X_1 có phân tử khối là 68.
- (3) X_2 là ancol 2 chức, có mạch cacbon không phân nhánh.
- (4) X_3 là hợp chất hữu cơ tạp chức.

Số phát biểu đúng là

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 80: Điện phân (điện cực trơ, hiệu suất điện phân 100%) dung dịch chứa đồng thời 0,15 mol $Cu(NO_3)_2$ và 0,12 mol HCl đến khi ở anot thoát ra 0,672 lít khí (đktc) thì ngừng điện phân, thu được dung dịch X. Dung dịch X hòa tan tối đa m gam bột sắt (sản phẩm khử của NO_3^- là khí NO duy nhất). Giá trị của m là

- A. 10,08. B. 9,24. C. 8,96. D. 8,40.

----- HẾT -----

Mã đề: 124

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				